

KẾT QUẢ

Vòng thi trình bày biện pháp nâng cao chất lượng công tác chủ nhiệm
Hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp tiểu học năm học 2024-2025

(Ban hành kèm Thông báo số /TB-GDDT ngày tháng năm 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	Họ và lót	Tên	Trường	Lớp	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm GK3	Điểm chung	Kết quả
1	Nguyễn Lê Lưu	An	Nguyễn Đình Chính	Bốn 6	19.5	19	19.5	19.333	Đạt
2	Trần Thị	Anh	Hồ Văn Huê	Năm 5	19	19	19	19	Đạt
3	Trần Thị Hồng	Cúc	Phạm Ngọc Thạch	Hai 1	18	18.5	18.5	18.333	Đạt
4	Nguyễn Huỳnh Thanh	Dung	Cô Loa	Hai 1	18.5	18.5	19	18.667	Đạt
5	Lưu Thị Phương	Dung	Sông Lô	Bốn	16	16	16.5	16.167	Không đạt
6	Phùng Thị Ngọc	Dung	Cao Bá Quát	Ba 6	17.5	17.5	17.5	17.5	Không đạt
7	Huỳnh Hồng	Duyên	Vạn Tường	Năm 2	19	19.5	19.5	19.333	Đạt
8	Mai Thị	Dương	Đông Ba	Một 2	17.5	18	18	17.833	Đạt
9	Nguyễn Thị	Hà	Sông Lô	Bốn	18	18	18.5	18.167	Đạt
10	Nguyễn Lê Thanh	Hằng	Nguyễn Đình Chính	Bốn	17.5	17.5	17.5	17.5	Không đạt
11	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Chí Linh	Một	19	19	19	19	Đạt
12	Lưu Thị	Hằng	Đông Ba	Bốn 5	17	17.5	17.5	17.333	Không đạt
13	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Đông Ba	Năm 3	18	18	18	18	Đạt
14	Trần Thị Thu	Hiền	Hồ Văn Huê	Bốn 6	17	17	17.5	17.167	Không đạt
15	Cầm Thị	Hồng	Đặng Văn Ngữ	Năm 6	16.5	16.5	17	16.667	Không đạt
16	Nguyễn Mộng Thu	Huyền	Nguyễn Đình Chính	Năm	17.5	18	18	17.833	Đạt
17	Trần Thúy	Huyền	Đặng Văn Ngữ	Năm 5	17	17	17.5	17.167	Không đạt
18	Dương Kiều	Khanh	Trung Nhất	Hai	16.5	17.5	17.5	17.167	Không đạt
19	Nguyễn Dương Ngọc	Khánh	Đông Ba	Ba 3	17.5	17.5	17.5	17.5	Không đạt
20	Thái Thị Hồng	Lam	Hồ Văn Huê	Một 3	18	18	18	18	Đạt
21	Đoàn Thị Ngọc	Lan	Nguyễn Đình Chính	Một	16	17	17.5	16.833	Không đạt
22	Lê Thị Thúy	Lan	Cô Loa	Ba 3	18	18	18	18	Đạt
23	Nguyễn Thị	Liên	Cô Loa	Năm 2	18.5	18.5	18.5	18.5	Đạt
24	Vũ Thị	Mai	Cao Bá Quát	Bốn 4	18	18	18	18	Đạt
25	Nguyễn Thị	Mên	Nguyễn Đình Chính	Hai	19	19	19	19	Đạt
26	Hoàng Thị Thùy	Minh	Sông Lô	Một	19.5	19.75	19.5	19.583	Đạt
27	Trần Thị	Năm	Phạm Ngọc Thạch	Bốn 3	18	18	18	18	Đạt
28	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	Lê Đình Chinh	Bốn 1	18	18	18	18	Đạt
29	Nguyễn Lê Mỹ	Ngân	Cao Bá Quát	Năm 5	17.5	18	18	17.833	Đạt
30	Hồ Thị Hải	Nghi	Cô Loa	Bốn 5	19	19	18.5	18.833	Đạt
31	Đặng Thị Kim	Ngọc	Hồ Văn Huê	Ba 6	18.5	18.5	18.5	18.5	Đạt
32	Nguyễn Lê Tâm	Nguyên	Đông Ba	Một 3	17	17	16	16.667	Không đạt
33	Đoàn Thanh	Nhã	Sông Lô	Bốn	18	18	18	18	Đạt
34	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Sông Lô	Hai	17	17	17.5	17.167	Không đạt
35	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Vạn Tường	Bốn 1	19	19	19	19	Đạt
36	Trần Thị Thanh	Phương	Nguyễn Đình Chính	Hai	18	18.5	19	18.5	Đạt
37	Lê Huỳnh Quế	Phương	Sông Lô	Lớp 2	16	16	16	16	Không đạt
38	Nguyễn Vũ Hạnh	Phương	Phạm Ngọc Thạch	Một 1	18.5	18.5	18.75	18.583	Đạt
39	Trần Kim	Phượng	Hồ Văn Huê	Một 5	18.5	19	18	18.5	Đạt
40	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Đặng Văn Ngữ	Ba 5	18.5	18.5	18.5	18.5	Đạt
41	Nguyễn Hoàng Dạ	Thảo	Chí Linh	Năm	18	18	18	18	Đạt
42	Phạm Thị	Thơ	Vạn Tường	Một 1	18.5	18.5	18.5	18.5	Đạt
43	Nhâm Thanh	Thủy	Đặng Văn Ngữ	Ba 2	18.5	19	19	18.833	Đạt
44	Lê Trinh Thu	Thủy	Cô Loa	Năm 4	18	18.25	18	18.083	Đạt
45	Nguyễn Thị	Thúy	Cô Loa	Năm 3	18.5	18.5	19	18.667	Đạt
46	Đỗ Thị Thùy	Trang	Cao Bá Quát	Hai 7	17	18	18	17.667	Đạt
47	Lê Thị	Trâm	Cao Bá Quát	Bốn 2	18	18.5	19	18.5	Đạt

STT	Họ và lót	Tên	Trường	Lớp	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm GK3	Điểm chung	Kết quả
48	Nguyễn Hữu Nguyên	Trâm	Đặng Văn Ngừ	Một 3	18	18	18	18	Đạt
49	Lê Nguyễn Tú	Trân	Phạm Ngọc Thạch	Năm 2	18	18	18	18	Đạt
50	Nguyễn Minh	Tuyền	Cao Bá Quát	Một 4	16.5	16.5	17.5	16.833	Không đạt
51	Lê Thục	Uyên	Lê Đình Chính	Năm 1	18	18	18	18	Đạt
52	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	Hồ Văn Huê	Năm 3	18	18	18	18	Đạt
53	Nguyễn Lê Tuyết	Vân	Sông Lô	Năm	18	18	18	18	Đạt
54	Trần Thị Tường	Vi	Nguyễn Đình Chính	Bốn	18	18	18	18	Đạt
55	Phạm Thị Tường	Vy	Hồ Văn Huê	Bốn 7	18.5	19.5	19.5	19.167	Đạt
56	Đào Yên	Vy	Nguyễn Đình Chính	Bốn	17	18	18	17.667	Đạt
57	Cao Xuân	Vỹ	Phạm Ngọc Thạch	Ba 2	18.25	18.5	19.5	18.75	Đạt